

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 02/2022/HSST
Ngày 11/01/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tư Duy
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** ụng Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 106/2021/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS, ngày 04/01/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân H - sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Ng, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Nguyễn Xuân K, sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Chu Thị Ng (đã chết); Vợ: Lê Thị G, sinh năm 1989 đều trú tại Tổ dân phố Ng, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 04/12/2021 đến ngày 07/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Hoàng Văn L - sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Hoàng Văn Ph, sinh năm 1957; Họ và tên mẹ: Lê Thị H, sinh năm 1963; Vợ: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989 đều cư trú thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 04/12/2021 đến ngày 07/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn D - sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn S (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1946; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 đều trú tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con út; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 04/12/2021 đến ngày 07/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Trọng V - sinh năm 1980; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn Gi, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên cha: Nguyễn Đức V, sinh năm 1952; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1956; Vợ: Giáp Thị L, sinh năm 1984 cùng trú tại thôn Gi, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007; con nhỏ sinh năm 2008; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 04/12/2021 đến ngày 07/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Vũ Đức O - sinh năm 1983; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: xóm Tr, xã V, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Họ và tên cha: Vũ Văn T, sinh năm 1960; Họ và tên mẹ: Trịnh Thị Gi, sinh năm 1961; Vợ, con: chưa có; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ 02; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 04/12/2021 đến ngày 07/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Văn L1- sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1964; Họ và tên mẹ: Vũ Thị M, sinh năm 1966; Vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1992 đều trú thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 04/12/2021 đến ngày 07/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 04/12/2021, khi Nguyễn Xuân H - sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố Ng, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang đang ở gara sửa ô tô của mình thuộc thôn Tr, xã C, huyện T thì có Nguyễn Văn L1 - sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn D - sinh năm 1987, trú tại thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Hoàng Văn L - sinh năm 1987, trú tại thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Trọng V - sinh năm 1980, trú tại thôn Gi, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Vũ Đức O - sinh năm 1983, trú tại xóm 3, xã V, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên đến chơi. Lúc này, tại ga ra ô tô còn có anh Dương Văn Ng - sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang là thợ sửa chữa xe ô tô tại gara ô tô của anh H. Tại đây Nguyễn Văn D có lấy ra một bộ bài tú lơ khơ và rủ mọi người chơi đánh bạc bằng hình thức đánh “liêng” ăn tiền được mọi người đồng ý. Hoàng Văn L, Nguyễn Trọng V, Nguyễn Văn D, Vũ Đức O, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Xuân H cùng đi lên gác xép gara ô tô của Nguyễn Xuân H cùng chơi đánh bạc ăn tiền với mức chơi góp “gà” là 50.000 đồng/ván, “tổ” tối đa là 200.000 đồng/1 ván. Riêng Ng ngồi ngoài sử dụng điện thoại không tham gia đánh bạc. Các đối tượng Hoàng Văn L, Nguyễn Trọng V, Nguyễn Văn D, Vũ Đức O, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Xuân H đánh bạc đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày thì lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- Số tiền 8.100.000 đồng trên chiếu bạc;
- 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân;
- 01 chiếc chăn màu nâu, kích thước (190 x 190)cm;

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ một số đồ vật, phương tiện, tiền trên người các bị cáo Vũ Đức O, Hoàng Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trọng V, Nguyễn Xuân H và Nguyễn Văn L1 nhưng quá trình điều tra xác định không dùng vào hoạt động đánh bạc. Cơ quan điều tra đã tiến hành các thủ tục bảo quản vật chứng theo quy định.

Cơ quan điều tra đã chứng minh tổng số tiền 06 bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.100.000 đồng đã thu trên chiếu bạc khi bắt quả tang, trong đó: Hoàng Văn L dùng số tiền 1.500.000 đồng tham gia đánh bạc, Nguyễn Trọng V dùng số tiền 3.000.000 đồng tham gia đánh bạc, Nguyễn Văn D dùng số tiền 650.000 đồng tham gia đánh bạc, Vũ Đức O dùng số tiền 1.250.000 đồng tham gia đánh bạc, Nguyễn Văn L1 dùng số tiền 700.000 đồng tham gia đánh bạc, Nguyễn Xuân H dùng số tiền 1.000.000 đồng tham gia đánh bạc.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKS ngày 30 tháng 12 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị

cáo Nguyễn Xuân H, Hoàng Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trọng V, Vũ Đức O, Nguyễn Văn L1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Xuân H, Hoàng Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trọng V, Vũ Đức O, Nguyễn Văn L1 đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình, lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

1/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

Xử phạt: Nguyễn Xuân H từ 10 tháng đến 11 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 22 tháng, giao bị cáo cho UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn L;

Xử phạt: Hoàng Văn L từ 09 tháng đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 20 tháng, giao bị cáo cho UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

3/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D;

Xử phạt: Nguyễn Văn D từ 11 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 22 tháng đến 24 tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

4/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng V;

Xử phạt: Nguyễn Trọng V từ 10 tháng đến 11 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 tháng đến 22 tháng, giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

5/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Đức O;

Xử phạt: Vũ Đức O từ 09 tháng đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 20 tháng, giao bị cáo cho UBND xã V, huyện Phúc Lương, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

6/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L1;

Xử phạt: Nguyễn Văn L1 từ 07 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng, giao bị cáo cho UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân H, Hoàng Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trọng V, Vũ Đức O, Nguyễn Văn L1 tự bào chữa: các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc”. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và đề nghị được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: ngày 04/12/2021, Cơ quan điều tra công an huyện T bắt quả tang 06 đối tượng gồm: Nguyễn Xuân H, Hoàng Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trọng V, Vũ Đức O, Nguyễn Văn L1 thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền tại gara sửa ô tô của Nguyễn Xuân H. Số tiền các đối tượng sử

dùng vào việc đánh bạc được chứng minh là 8.100.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội đánh bạc là đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc, xem xét một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3]. Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D là con liệt sỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm x khoản 1 Bộ luật hình sự; bị cáo V có bố được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo H có ông nội được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét về tính chất của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không chủ động phân công nhiệm vụ rõ ràng nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, do vậy cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Xuân H là chủ nhà, đã dùng địa điểm do mình quản lý để đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc với các đối tượng khác từ đầu đến khi bị bắt; Bị cáo D là người khởi xướng việc đánh bạc và chuẩn bị công cụ phạm tội nên bị cáo H, Diễn có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo V số tiền dùng vào việc đánh bạc nhiều nhất (3.000.000 đồng) nên có vai trò thứ hai trong vụ án, bị cáo L sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là 1.500.000 đồng, bị cáo Oanh sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là 1.250.000 đồng nên có vai trò thứ ba trong vụ án, bị cáo L1 sử dụng số tiền vào việc đánh bạc ít nhất (700.000 đồng) nên bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án.

Từ những tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có

nơi cư trú ổn định, cụ thể và rõ ràng nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng lương khoan hồng cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện.

Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trọng V, Vũ Đức O, Nguyễn Văn L1 phạm tội có tính chất vụ lợi và các bị cáo có tài sản, có thu nhập nên cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo một khoản tiền nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo Hoàng Văn L thuộc diện hộ cận nghèo nên cần miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Khi lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra đã lập biên bản thu giữ, trong đó có:

01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chăn màu nâu kích thước (190x190) cm đã qua sử dụng. Đây là những công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 8.100.000 đồng là tiền đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Nokia có seri 1: 353112113717660 đã cũ, 01 điện thoại Iphone 7 màu bạc, có số Imei: 359181074780623 đã cũ, 01 xe mô tô kiểu dáng Yamaha Sirius, biển kiểm soát 20E1-23035 đã cũ của Vũ Đức O; 01 điện thoại Nokia màu đen có số seri 353120114927741 đã cũ, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng có số Imei 358629071172526 đã cũ, màn hình bị vỡ, 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Wave α , màu xanh, có biển kiểm soát 99H3-6625 đã cũ, số tiền 2.500.000 đồng của Nguyễn Xuân H; 01 điện thoại di động Iphone 6 có số Imei 354455068707007 đã cũ, 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Dream màu sơn nâu biển số 98H1-006.28 đã cũ, số tiền 1.000.000 đồng của Nguyễn Văn L1; 01 điện thoại Redmi màu đen, có số Imei 1 864365050476540/00 đã cũ, 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Wave α , màu xanh, đen, bạc có biển kiểm soát 98D1-364.43 đã cũ số tiền 4.120.000 đồng của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen xám, số Imei: 867397051249615 đã cũ, số tiền 200.000 đồng của Nguyễn Trọng V, các tài sản trên các bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Yamaha Exciter màu xanh, có biển kiểm soát 98B1 - 061.92 đã cũ, số tiền 5.000.000 đồng của Hoàng Văn L bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Trọng V, Vũ Đức O, Nguyễn Văn L1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn L thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo Nguyễn Văn D là con liệt sỹ nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại 331, 333 Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/01/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 10 (Mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/01/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn L.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/01/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng V.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng V 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/01/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Đức O.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức O 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/01/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 07 (Bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/01/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Xuân H, Hoàng Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trọng V, Vũ Đức O, Nguyễn Văn L1 vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chăn màu nâu kích thước (190x190) cm đã qua sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 8.100.000 đồng (trong số tiền 20.920.000 đồng, theo ủy nhiệm chi lập ngày 31/12/2021).

Trả lại bị cáo Vũ Đức O 01 điện thoại Nokia có seri 1: 353112113717660 đã cũ, 01 điện thoại Iphone 7 màu bạc, có số Imei: 359181074780623 đã cũ, 01 xe mô tô kiểu dáng Yamaha Sirius, biển kiểm soát 20E1-23035 đã cũ; trả lại bị cáo Nguyễn Xuân H 01 điện thoại Nokia màu đen có số seri 353120114927741 đã cũ, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng có số Imei 358629071172526 đã cũ, màn hình bị vỡ, 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Wave α , màu xanh, có biển kiểm soát 99H3-6625 đã cũ, số tiền 2.500.000 đồng (trong số tiền 20.920.000 đồng, theo ủy nhiệm chi lập ngày 31/12/2021); trả lại Nguyễn Văn L1 01 điện thoại di động Iphone 6 có số Imei 354455068707007 đã cũ, 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Dream màu sơn nâu biển số 98H1-006.28 đã cũ, số tiền 1.000.000 đồng (trong số tiền 20.920.000 đồng, theo ủy nhiệm chi lập ngày 31/12/2021); trả lại Nguyễn Văn D 01 điện thoại Redmi màu đen, có số Imei 1 864365050476540/00 đã cũ, 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Wave α , màu xanh, đen, bạc có biển kiểm soát 98D1-364.43 đã cũ, số tiền 4.120.000 đồng (trong số tiền 20.920.000 đồng, theo ủy nhiệm chi lập ngày

31/12/2021); trả lại Nguyễn Văn Việt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen xám, số Imel: 867397051249615 đã cũ, số tiền 200.000 đồng (trong số tiền 20.920.000 đồng, theo ủy nhiệm chi lập ngày 31/12/2021), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại Hoàng Văn L 01 xe mô tô kiểu dáng Yamaha Exciter màu xanh, có biển kiểm soát 98B1 - 061.92 đã cũ, số tiền 5.000.000 đồng (trong số tiền 20.920.000 đồng, theo ủy nhiệm chi lập ngày 31/12/2021).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Trọng V, Vũ Đức O, Nguyễn Văn L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn L, Nguyễn Văn D.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND, THADS, Công an huyện;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy